

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2022/DS-ST
Ngày: 13-5-2022
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Diệu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Thanh Tâm
2. Ông Võ Thanh Nhân

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Thị Yên là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thụy Thùy Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 05 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 11/2022/TLST-**DS** ngày 10 tháng 01 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 148/2022/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 03 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 151/2022/QĐST-DS ngày 18/4/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà V T B H, sinh năm 1960; địa chỉ: số 763 tổ 20, ấp MH, xã NM, huyện CM, tỉnh AG;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đặng Văn Kiệt, sinh năm 1978; địa chỉ: số 29 đường số 01, tổ 60B khóm Bình Đức 1, phường Bình Đức, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang; là người được ủy quyền (giấy ủy quyền ngày 08/02/2022); có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà N T C, sinh năm 1966;

Địa chỉ: số 561 tổ 19 ấp MH, xã NM, huyện CM, tỉnh AG (vắng mặt);

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Đ T K P (Út Phô), sinh năm 1972; địa chỉ: ấp Mỹ Thuận, xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

3.2. Bà N T L (N), sinh năm 1984; địa chỉ: tổ 19 ấp MH, xã NM, huyện CM, tỉnh AG (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án đại diện ủy quyền của nguyên đơn ông Đặng Văn Kiệt trình bày:

Từ năm 2015 đến 2020 bà N T C có tham gia góp hội do bà V T B H làm chủ nhiều dây hội ngày: Dây hội 20.000 đồng/ngày, gồm 81 thành viên, hội hưởng hoa hồng, mỗi dây hội bà L tham gia 05 phần, mỗi dây hội ngày góp 100.000 đồng/ngày, trong đó bà L tham gia 44 dây hội ngày và đã hốt tất cả các dây hội ngày nên tổng tiền hội là 490.700.000 đồng, sau khi hội mãn bà L châu hội ngày được 07 tháng với số tiền 50.200.000 đồng, thì không thực hiện. Sau đó, bà H gửi đơn tại ban ấp Mỹ Hòa thì bà L thừa nhận nợ và trả góp được số tiền 9.200.000 đồng, còn nợ số tiền hội là 431.300.000 đồng thì không trả nữa. Vì vậy, bà H khởi kiện yêu cầu bà L phải trả số tiền nợ hội là 431.300.000 đồng, không yêu cầu tính lãi phát sinh.

2. Bị đơn bà N T C trình bày: Bà L xác nhận có tham gia nhiều dây hội 20.000 đồng/ngày, mỗi dây hội tham gia 05 phần, do bà H làm chủ hội và bà L có ứng tiền hội của bà V T B H từ năm 2015 đến năm 2020. Sau đó, bà L giao tiền hội cho bà N T L(N), bà Đặng Thị Kiều P(Út Phố), bà L hưởng hoa hồng từ tiền ứng hội từ 20.000 đồng – 40. 000 đồng của bà Phố và bà N. Trong đó, bà L là người trực tiếp nhận tiền của bà H và giao lại cho bà Út Phố và bà N, hàng ngày bà Út Phố, bà N góp tiền hội cho bà L. Sau đó, bà L giao tiền hội lại cho bà H. Số tiền hội ngày và ứng tiền hội nhiều lần nên L không nhớ rõ cụ thể số tiền nợ hội, nhưng sau khi hòa giải tại ban ấp Mỹ Hòa thì bà L trả được số tiền 9.200.000 đồng, do dịch bệnh nên bà N, bà Phố không góp hội nên bà L chưa trả cho bà V T B H. Vì vậy, bà L không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn, bà L cho rằng khi bà N, bà Út Phố trả tiền hội thì bà L trả cho bà V T B H.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đ T K P(Út Phố) trình bày: Bà P tham gia nhiều dây hội và ứng tiền hội với bà N T C cụ thể: Dây hội 20.000 đồng/ngày, trong đó, bà P tham gia 10 phần, mỗi ngày góp hội là 200.000 đồng/ngày, khi tham gia hội là trực tiếp giao dịch với bà N T C, nhận tiền hội trực tiếp từ bà L và góp hội cho bà L. Bà P xác định không thân quen với bà V T B H nên bà không tham gia giao dịch hội hoặc ứng tiền hội trực tiếp từ bà V T B H. Theo bà P được biết bà N T C có tham gia giao dịch hội và ứng tiền hội với bà V T B H số tiền các bên giao dịch như thế nào thì bà P không biết, bởi vì bà N T C có cho người khác ứng tiền hội và tham gia giao dịch hội với và L nên bà P không biết rõ số tiền các bên tham gia giao dịch hội và ứng tiền hội như thế nào. Bà P thống nhất có nhận tiền hội từ bà N T C và đồng ý trả tiền hội cho bà N T C số tiền nợ bà L khoảng 90.000.000 đồng. Việc thanh toán nợ hội giữa bà P và bà L thì sẽ thỏa thuận với bà N T C. Bà P xác định không liên quan đến việc góp hội và ứng tiền

hội giữa bà V T B H và bà N T C, việc bà V T B H khởi kiện bà N T C thì bà P không có ý kiến vì bà P không tham gia trực tiếp giao dịch hội và ứng tiền hội với bà V T B H.

Bà N T L (N) đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt, không lí do.

Tại phiên tòa hôm nay:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ quan điểm như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và không giao nộp thêm tài liệu chứng cứ.

Bị đơn bà N T C vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Đ T K P(Út Phở) có đơn xin xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, bảo đảm các trình tự, thủ tục và quyền tranh tụng tại phiên tòa.

- Đối với người tham gia tố tụng: Các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70; Điều 71, Điều 72 và Điều 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự, hợp đồng hội giữa bà H và bà L được xác lập trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận thông qua các giấy hội từ ngày 13/12/2019 đến ngày 10/02/2020, có danh sách hội kèm theo thể hiện bà H làm chủ hội, bà L tham gia với tư cách hội viên cùng nhiều hội viên khác và tại biên bản hòa giải ngày 21/3/2021 của Văn phòng áp Mỹ Hòa, xã Nhơn Mỹ, bà L thừa nhận việc tham gia hội và còn nợ bà H số tiền 440.500.000 đồng và có trả dần được số tiền 9.200.000 đồng. Do bà L vi phạm nghĩa vụ của hội viên nên bà H khởi kiện yêu cầu bà L trả tổng số tiền các dây hội ngày là 431.300.000 đồng là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 471 Bộ Luật dân sự.

Đối với việc bà L cho rằng chỉ tham gia chơi hội và ứng tiền hội cho bà P, bà L nên yêu cầu bà P, bà L thanh toán cho bà H. Xét thấy, bà H nhận định chỉ giao dịch hội cùng bà L và bà P cũng xác định không liên quan đến việc góp hội và ứng tiền hội giữa bà H và bà L nên việc bà L buộc bà P, bà L liên đới trả cho bà H số tiền 431.300.000 đồng là không có căn cứ chấp nhận. Từ những phân tích trên, đề nghị: hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V T B H đối với bà N T C, buộc bà N T C trả cho bà Nguyễn Thị Bạch H số tiền 431.300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Vụ án tranh chấp bị đơn bà N T C có nơi cư trú: ấp MH, xã NM, huyện CM, tỉnh AG. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

[1.2] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn và bị đơn đều xác nhận giữa hai bên có xác lập hợp đồng góp hui, nên quan hệ tranh chấp là hợp đồng góp hui là có căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 471 Bộ Luật dân sự năm 2015;

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện: Giao dịch dân sự về hợp đồng góp hui được xác lập từ năm 2015 đến năm 2020, căn cứ Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 157 và Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015, thì vụ án còn trong thời hiệu khởi kiện.

[1.4] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà N T C, bà N T L đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà N T C, bà N T L theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; bà Đ T K P có đơn xin xét xử vắng mặt được quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ Luật tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Đặng Thị Kiều P.

[2] Về nội dung vụ án: Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; lời khai của các đương sự; căn cứ vào giấy biên nhận nợ và sự xác nhận giữa nguyên đơn và bị đơn giữa hai bên có xác lập hợp đồng góp hui trên cơ sở tự nguyện, không bị lừa dối hay ép buộc, hình thức và nội dung của hợp đồng không vi phạm pháp luật hay trái đạo đức xã hội nên đây là hợp đồng hợp pháp, nên phát sinh quyền và nghĩa vụ các bên.

Xét, lời trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án thì thấy: Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện bà H có cung cấp chứng cứ giấy hui, biên bản hòa giải ấp Mỹ Hòa và sự xác nhận của bà L có tham gia nhiều dây hui 20.000 đồng/ngày và có ứng tiền hui ngày nhiều lần của bà H nên tổng số tiền bà L nợ là 440.500.000 đồng, sau khi hòa giải tại ấp Mỹ Hòa bà L trả dần được số tiền 9.200.000 đồng và còn nợ số tiền là 431.300.000 đồng. Đối với, việc bà L cho rằng chỉ tham gia chơi hui và ứng tiền hui dùm cho bà P, bà L nên yêu cầu bà P, bà L thanh toán cho bà H.

Xét thấy, bà H xác định trực tiếp giao dịch góp hui với bà L, không giao dịch góp hui với bà P, bà L. Đồng thời, bà P cũng xác định không liên quan đến việc góp hui và ứng tiền hui giữa bà H và bà L nên việc bà L buộc bà P, bà L có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền 431.300.000 đồng là không có căn cứ. Do bà L vi phạm nghĩa vụ của hui viên nên bà H khởi kiện yêu cầu bà L trả tổng số tiền các dây hui ngày là 431.300.000 đồng là có căn cứ phù hợp theo Điều 471 Bộ Luật dân sự nên được chấp nhận.

Đối với, bà N T L (N), bà Đặng Thị Kiều P (Út Phở) tham gia giao dịch góp hui với bà N T C khi các bên phát sinh tranh chấp thì có quyền khởi kiện vụ kiện khác.

Thời gian, P thức thanh toán sẽ được giải quyết ở giai đoạn thi hành án khi án có hiệu lực pháp luật.

[3] Qua phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật về quan điểm giải quyết vụ án nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. **Do đó, bà N T C** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 21.252.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 147, Điều 227; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357; Điều 471 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà V T B H đối với bà N T C.

Buộc bà N T C có trách nhiệm trả số tiền là 431.300.000 (Bốn trăm ba mươi một triệu ba trăm nghìn) đồng cho bà V T B H.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: **Bà N T C** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 21.252.000 đồng.

3. Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng được sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Văn phòng.

Trần Ngọc Diệu